

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

R REANDA

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 34
7. Phụ lục số 01 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 14 (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Licogi 14 (tên giao dịch là: Licogi 14 Joint Stock Company), tiền thân là Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 được thành lập theo Quyết định số 055A/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 02 năm 1993 và số 01/BXD-TCLĐ ngày 02 tháng 01 năm 1996 của Bộ Xây dựng. Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 được chuyển thành Công ty Cổ phần Licogi 14 theo Quyết định số 1453/QĐ-BXD ngày 18 tháng 07 năm 2005 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1803000339 ngày 12 tháng 09 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của lần thay đổi gần đây nhất là lần thay đổi thứ sáu ngày 29 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; đường dây và lắp đặt trạm biến áp đến 35KV và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác, lắp đặt thiết bị và hoàn thiện các công trình xây dựng (kể cả trang trí nội, ngoại thất);
- Chuẩn bị mặt bằng công trình (san ủi, đào đắp, bóc xúc đất đá,...);
- Đầu tư và kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị mới, khu, cụm công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (thủy điện, nhiệt điện);
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng (ống cống bê tông cốt thép, gạch Block và các loại vật liệu xây dựng khác), sản xuất gạch tuynenl;
- Khai thác, chế biến đá các loại; Sản xuất, gia công chế tạo và lắp đặt các sản phẩm cơ khí xây dựng (ván khuôn, giàn giáo, khung nhà công nghiệp và các kết cấu định hình khác);
- Kinh doanh vật tư, máy móc phục vụ sản xuất và tiêu dùng; xăng, dầu, mỡ các loại, dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, cho thuê thiết bị, máy công trình;
- Vận tải hàng hóa đường bộ, dịch vụ khảo sát địa chất, địa hình, thí nghiệm vật liệu xây dựng, nền móng công trình;
- Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ, khai thác quặng sắt, quặng kim loại đen khác;
- Khai thác mỏ apatit; khai thác khoáng chất và khoáng phân bón khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng, khai thác gỗ và lâm sản khác, hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Thi công xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình môi trường, công trình công cộng (sân vườn, vườn hoa cây xanh, công viên).

Hiện công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : L14

Vốn điều lệ : 34.480.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn cổ phần thuộc Nhà Nước	9.108.000.000	26,42
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	25.372.000.000	73,58
Cộng	34.480.000.000	100,00

2. Trụ sở hoạt động

▪ **Trụ sở chính**

Địa chỉ : Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại : +84 (210) – 3953 543

Fax : +84 (210) – 3953 542

Mã số thuế : 2 6 0 0 1 0 6 2 3 4

▪ **Chi nhánh Hà Nội**

Địa chỉ : Số 249 Hoàng Văn Thái, Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

▪ **Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng 14.2**

Địa chỉ : Tầng 3, Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

▪ **Chi nhánh Lào Cai**

Địa chỉ : Số 14, đường Nguyễn Công Hoan, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

▪ **Chi nhánh Xây dựng Giao thông Licogi 14.8**

Địa chỉ : Tô 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; đường dây và lắp đặt trạm biến áp đến 35KV và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác, lắp đặt thiết bị và hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị mới, khu, cụm công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (thủy điện, nhiệt điện);
- Kinh doanh vật tư, máy móc phục vụ sản xuất và tiêu dùng; xăng, dầu, mỡ các loại, dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, cho thuê thiết bị, máy công trình.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Vũ Duy Quang	Chủ tịch	24/03/2014	
Ông Phạm Gia Lý	Phó Chủ tịch	24/03/2014	
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	24/03/2014	
Ông Hà Minh Tiến	Thành viên	24/03/2014	
Ông Trần Thế Bình	Thành viên	24/03/2014	

4.2 Ban Kiểm soát

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Sim	Trưởng ban	24/03/2014	
Ông Hoàng Hàng Hải	Thành viên	24/03/2014	
Ông Hàng Như Thái	Thành viên	24/03/2014	

4.3 Ban Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Phạm Gia Lý	Tổng Giám đốc	24/03/2014	
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	02/04/2014	
Ông Nguyễn Vũ Quảng	Phó Tổng Giám đốc	02/04/2014	01/12/2015
Ông Hà Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	02/04/2014	
Bà Lê Thị Thanh	Kế toán trưởng	02/04/2014	

5. Đại diện pháp luật

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Phạm Gia Lý	Tổng Giám đốc	24/03/2014	

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 35.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phủ Thọ, ngày 03 tháng 03 năm 2016.

TM. Ban Tổng Giám đốc



PHẠM GIA LÝ
Tổng Giám đốc



Số: 2066/16/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015, bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập ngày 03 tháng 03 năm 2016 (từ trang 08 đến trang 35) của Công ty Cổ phần Licogi 14 (Sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 14 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Licogi 14. Báo cáo này được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Licogi 14 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE). Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2016.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 1512-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 2141-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		460.832.031.110	485.211.505.367
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	18.782.905.480	19.045.627.700
111	1. Tiền		18.782.905.480	19.045.627.700
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.849.873.629	21.200.238.956
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	16.824.835.561	17.115.251.525
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	3.143.382.538	2.825.190.710
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	1.809.699.442	1.259.796.721
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(928.043.912)	-
140	IV. Hàng tồn kho		421.131.042.746	435.548.029.960
141	1. Hàng tồn kho	V.6	421.581.756.062	435.548.029.960
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(450.713.316)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		68.209.255	9.417.608.751
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		68.209.255	9.417.608.751
155	3. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		29.498.332.170	41.990.051.635
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		177.069.000	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
216	3. Phải thu dài hạn khác		177.069.000	-
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		15.205.023.000	19.696.445.000
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	13.258.064.000	17.613.130.000
222	- Nguyên giá		89.198.428.262	89.952.819.262
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(75.940.364.262)	(72.339.689.262)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	1.946.959.000	2.083.315.000
228	- Nguyên giá		2.506.913.401	2.506.913.401
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(559.954.401)	(423.598.401)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.612.461.934	4.209.090.424
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	4.612.461.934	4.209.090.424
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	12.833.333.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	12.833.333.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.503.778.236	5.251.183.211
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	5.448.321.877	1.000.000.000
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.11	4.055.456.359	4.251.183.211
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		490.330.363.280	527.201.557.002

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		422.426.570.034	476.213.477.247
310	I. Nợ ngắn hạn		422.426.570.034	476.213.477.247
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	16.345.465.304	39.122.328.947
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	346.165.405.478	350.175.064.355
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	18.069.434.627	4.216.741.314
314	4. Phải trả người lao động	V.15	845.608.892	1.461.166.659
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	9.892.276.135	18.505.452.596
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17	26.378.575.580	61.296.165.146
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.18	4.729.804.018	1.436.558.230
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		67.903.793.246	50.988.079.755
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.19	67.903.793.246	50.988.079.755
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		34.480.000.000	28.800.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		34.480.000.000	28.800.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		840.689.000	840.689.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.903.535.278	6.859.887.178
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.679.568.968	14.487.503.577
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		8.413.004.509	312.996.883
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		15.266.564.459	14.174.506.694
422	5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		490.330.363.280	527.201.557.002

Phú Thọ, ngày 03 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu



HÀ VĂN LỢI

Kế toán trưởng



LÊ THỊ THANH

Tổng Giám Đốc



PHẠM GIA LÝ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		639.869.886.050	215.291.851.644
03	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	639.869.886.050	215.291.851.644
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	598.764.339.306	182.054.521.125
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		41.105.546.744	33.237.330.519
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	2.211.199.341	34.836.620
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	4.483.168.248	1.992.991.198
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.483.168.248	1.992.991.198
24	8. Chi phí bán hàng	VI.5	4.309.144.210	2.951.300.091
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	8.469.373.833	4.096.695.168
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.055.059.794	24.231.180.682
31	11. Thu nhập khác	VI.7	150.000.000	-
32	12. Chi phí khác		31.381.000	-
40	13. Lợi nhuận khác		118.619.000	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.173.678.794	24.231.180.682
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		5.569.386.303	4.251.004.211
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		195.726.852	1.079.855.539
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		20.408.565.639	18.900.320.932
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	5.626	5.308
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Phú Thọ, ngày 03 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





HÀ VĂN LỢI

LÊ THỊ THANH

PHẠM GIA LÝ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

DVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		26.173.678.794	24.231.180.682
	2. Điều chỉnh các khoản		7.066.487.586	7.542.480.193
02	- Khấu hao tài sản cố định		4.491.422.000	5.584.325.615
03	- Các khoản dự phòng		1.378.757.228	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.361.199.341)	(34.836.620)
06	- Chi phí lãi vay		3.557.507.699	1.992.991.198
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		33.240.166.380	31.773.660.875
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		8.790.326.263	1.573.558.727
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		13.966.273.898	(32.668.749.986)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(24.784.095.164)	(8.784.549.155)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(4.448.321.877)	(922.839.545)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.557.507.699)	(1.992.991.198)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.504.108.926)	(3.913.845.938)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.300.000	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(201.616.360)	(956.400.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		18.503.416.515	(15.892.156.220)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(403.371.510)	(1.397.150.874)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		150.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	VII.1	12.833.333.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.211.199.341	34.836.620
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		14.791.160.831	(1.362.314.254)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		5.680.000.000	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	VII.2	37.285.424.754	89.078.588.434
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.3	(72.203.014.320)	(60.147.635.979)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.319.710.000)	(2.592.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(33.557.299.566)	26.338.952.455
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(262.722.220)	9.084.481.981
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		19.045.627.700	9.961.145.719
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	18.782.905.480	19.045.627.700

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phú Thọ, ngày 01 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám Đốc



HÀ VĂN LỢI



LÊ THỊ THANH



PHẠM GIA LÝ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; đường dây và lắp đặt trạm biến áp đến 35KV và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác, lắp đặt thiết bị và hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị mới, khu, cụm công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (thủy điện, nhiệt điện);
- Kinh doanh vật tư, máy móc phục vụ sản xuất và tiêu dùng; xăng, dầu, mỡ các loại, dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, cho thuê thiết bị, máy công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với Dự án kinh doanh Bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Số 249 Hoàng Văn Thái, Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng 14.2	Tầng 3, Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Chi nhánh Lào Cai	Số 14, đường Nguyễn Công Hoan, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
Chi nhánh Xây dựng Giao thông Licogi 14.8	Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 146 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 164 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm 2015.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc bao gồm Văn phòng Công ty và các chi nhánh (bao gồm: Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng Licogi 14.2, Chi nhánh Lào Cai, Chi nhánh Xây dựng Giao thông 14.8). Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Văn phòng Công ty và các chi nhánh với nhau được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất dài hạn

Tiền thuê đất dài hạn được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê đất.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 -25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của công ty là quyền sử dụng lâu dài không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán của công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây lắp

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây lắp được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thông nhất với khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	451.823.637	1.339.712.826
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.331.081.843	17.705.914.874
Cộng	<u>18.782.905.480</u>	<u>19.045.627.700</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	2.102.706.739	2.798.354.569
TCT Xây dựng & PT Hạ tầng Licogi	800.574.353	800.574.353
Công ty Cơ giới và Xây lắp số 10	636.122.635	636.122.635
Công ty CP Cơ giới XD 17	510.139.345	510.139.345
Chi nhánh TCTXD & PTHH tại Quảng Ninh	30.837.500	30.837.500
Công ty CP LICOGI 13	125.032.906	125.032.906
BQLDA Thủy điện Bắc Hà	-	695.647.830
Phải thu các khách hàng khác	14.722.128.822	14.316.896.956
Ban QLDA chung cư SV - Sở XD Phú Thọ	4.840.218.650	4.840.218.650
Công ty Cổ phần cầu 11 Thăng Long	5.303.668.863	1.948.448.321
Văn phòng UBND tỉnh Phú Thọ	439.455.000	-
Trung tâm DV và tư vấn KCN tỉnh Lào Cai	746.286.000	-
Sở Y tế tỉnh Phú Thọ	1.434.379.000	748.316.000
Các khách hàng Khác	1.958.121.309	6.779.913.985
Cộng	<u>16.824.835.561</u>	<u>17.115.251.525</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	350.000.000	-
Công ty CP Tư vấn Licogi	350.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	2.793.382.538	2.825.190.710
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Thủy điện Miền Bắc	895.775.000	895.775.000
Công ty TNHH Hải Linh	917.247.257	1.289.985.029
Các nhà cung cấp Khác	1.328.587.928	639.430.681
Cộng	3.143.382.538	2.825.190.710

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	1.809.699.442	1.259.796.721
Chi ủng hộ dự án Minh Phương	-	525.000.000
Các khoản tạm ứng công trình	1.009.024.033	317.685.490
Các khoản phải thu Khác	800.675.409	417.111.231
Cộng	1.809.699.442	1.259.796.721

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của những công nợ quá hạn trên 3 năm.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan	1.561.729.894	780.864.947	-	-
Tổng Công ty XD và PT Hạ tầng Licogi	800.574.353	400.287.177	-	-
Công ty Cơ giới và Xây lắp số 10	636.122.635	318.061.317	-	-
Công ty CP Licogi 13	125.032.906	62.516.453	-	-
Phải thu ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	294.357.930	147.178.965	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 128	294.357.930	147.178.965	-	-
Cộng	1.856.087.824	928.043.912	-	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
6.1 Nguyên liệu, vật liệu	525.182.640	-	955.175.227	-
6.2 Công cụ, dụng cụ	4.092.545	-	4.092.545	-
6.3 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	419.595.254.832	450.713.316	433.936.409.872	-
6.4 Thành phẩm	915.974.379	-	-	-
6.5 Hàng hóa	541.251.666	-	652.352.316	-
Cộng	421.581.756.062	450.713.316	435.548.029.960	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.3 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**Chi tiết công trình dở dang**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án Đô thị Minh Phương	390.773.112.510	410.004.073.500
Đại học Phan Xi Păng Lào Cai	8.055.931.075	2.027.510.796
Công trình đường Tân Sơn	4.137.252.150	3.929.153.879
Công trình sửa chữa nhà khách TTHN tỉnh	2.638.530.587	-
Công trình sân vận động Lào Cai	2.734.449.776	-
Các công trình khác	11.255.978.734	17.975.671.697
Cộng	<u>419.595.254.832</u>	<u>433.936.409.872</u>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Là khoản dự phòng những Dự án Bất động sản đã ngưng thi công theo Biên bản họp Hội đồng xử lý nợ tồn đọng số 56/BB - XLN ngày 30 tháng 12 năm 2015.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án Khu đô thị Bình Minh Lào Cai	405.258.771	-
Dự án Khu dân cư mới Phú Lợi Trường Thịnh	45.454.545	-
Cộng	<u>450.713.316</u>	<u>-</u>

7. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	12.292.008.481	54.590.044.977	23.004.093.077	66.672.727	89.952.819.262
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(206.366.000)	(548.025.000)	-	(754.391.000)
Số cuối năm	<u>12.292.008.481</u>	<u>54.383.678.977</u>	<u>22.456.068.077</u>	<u>66.672.727</u>	<u>89.198.428.262</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Giá trị còn lại của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	633.159.342	38.512.327.025	19.137.791.886	30.500.000	58.313.778.253
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.221.774.481	47.746.528.977	20.326.083.077	45.302.727	72.339.689.262
Khấu hao trong năm	756.228.000	2.397.509.000	1.187.991.000	13.338.000	4.355.066.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(206.366.000)	(548.025.000)	-	(754.391.000)
Số cuối năm	<u>4.978.002.481</u>	<u>49.937.671.977</u>	<u>20.966.049.077</u>	<u>58.640.727</u>	<u>75.940.364.262</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	8.070.234.000	6.843.516.000	2.678.010.000	21.370.000	17.613.130.000
Số cuối năm	<u>7.314.006.000</u>	<u>4.446.007.000</u>	<u>1.490.019.000</u>	<u>8.032.000</u>	<u>13.258.064.000</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Giá trị còn lại của tài sản thể chấp cầm cố</i>	4.102.167.000	869.599.000	-	-	4.971.766.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.966.813.309	540.100.092	2.506.913.401
Mua trong năm	-	-	-
Giảm do điều chỉnh	-	-	-
Số cuối năm	1.966.813.309	540.100.092	2.506.913.401
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	282.641.309	140.957.092	423.598.401
Khấu hao trong năm	77.352.000	59.004.000	136.356.000
Số cuối năm	359.993.309	199.961.092	559.954.401
Giá trị còn lại			
<i>Số đầu năm</i>	<i>1.684.172.000</i>	<i>399.143.000</i>	<i>2.083.315.000</i>
<i>Số cuối năm</i>	<i>1.606.820.000</i>	<i>340.139.000</i>	<i>1.946.959.000</i>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Giá trị còn lại của tài sản thế chấp cầm cố</i>	1.606.820.000	-	1.606.820.000

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	4.209.090.424	1.003.371.510	600.000.000	4.612.461.934
- Công trình Thủy điện Bảo Nhai	4.209.090.424	403.371.510	-	4.612.461.934
- Công trình khác	-	600.000.000	600.000.000	-
Cộng	4.209.090.424	1.003.371.510	600.000.000	4.612.461.934

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiêu	Tiền thuê đất dài hạn trả 1 lần(*)	Chi phí trả trước dài hạn khác	Cộng
Số dư đầu năm	1.000.000.000	-	1.000.000.000
- Tăng trong năm	4.360.483.937	589.979.963	4.950.463.900
- Giảm trong năm	(50.162.060)	(451.979.963)	(502.142.023)
Số dư cuối năm nay	5.310.321.877	138.000.000	5.448.321.877

(*) Là tiền thuê đất trả 1 lần của chi nhánh 14.8 Yến Bái, cửa hàng Thương mại dịch vụ tổng hợp và Yên Bình, tỉnh Yên Bái cho thời gian thuê là 50 năm.

11. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Khoản phát sinh tăng trong năm</u>	<u>Khoản phát sinh giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản	4.251.183.211	1.810.284.890	(2.006.011.742)	4.055.456.359
Cộng	4.251.183.211	1.810.284.890	(2.006.011.742)	4.055.456.359

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	305.018.347	806.138.915
Công ty Cơ giới và Xây lắp số 19	-	85.542.568
Công ty CP Licogi 13	174.290.208	174.290.208
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	130.728.139	130.728.139
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	-	415.578.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	16.040.446.957	38.316.190.032
- Công ty Cổ phần Thịnh Cường	1.942.290.374	1.942.290.374
- Công ty TNHH Một thành viên TM&XD TTB Việt Nam	1.070.479.929	1.060.113.949
- Công ty CP TM và Dịch vụ Châu Thành	966.554.352	966.581.907
- Công ty TNHH Hải Linh	464.946.587	522.166.612
- Công ty TNHH Một thành viên TMĐT & XD Việt Hùng	136.426.000	932.513.621
- Công ty TNHH XD và TM Phúc Khánh	337.168.000	207.568.000
- Các đối tượng Khác	11.122.581.715	32.684.955.569
Cộng	16.345.465.304	39.122.328.947

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan		
Trả trước của các khách hàng khác		
- Hợp tác xã Thanh Mai – CT san nền giãn dân	647.018.833	647.018.833
- Ban QLDA Công trình giao thông Yên Bái	533.485.000	533.485.000
- Ban QLDA Công trình giao thông Lào Cai	4.756.705.391	-
- Ban QLDA XD Đô thị - Sở XD Lào Cai	9.278.806.719	-
- Sở Giao thông Vận tải Lào Cai	6.900.000.000	-
- Các khách hàng của Dự án Minh Phương	322.925.881.293	348.135.634.693
- Các khách hàng Khác	1.123.508.242	858.925.829
Cộng	346.165.405.478	350.175.064.355

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.097.512.445	-	51.016.628.191	(38.368.901.908)	15.745.238.728	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.062.016.399	-	5.569.386.303	(4.504.108.926)	2.127.293.776	-
- Thuế tài nguyên	28.699.200	-	101.851.360	(51.566.400)	78.984.160	-
- Thuế nhà đất, thuế đất	-	-	4.680.243.617	(4.680.243.617)	-	-
- Phí, lệ phí, khoản phải nộp khác	28.513.270	-	266.760.058	(177.355.365)	117.917.963	-
Cộng	4.216.741.314	-	61.634.869.529	(47.782.176.216)	18.069.434.627	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh thông thường	Hoạt động kinh doanh Bất động sản	Tổng cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.037.431.811	23.136.246.983	26.173.678.794
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm khi xác định lợi nhuận lợi nhuận chịu thuế	3.641.737	27.739.263	31.381.000
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>3.641.737</i>	<i>27.739.263</i>	<i>31.381.000</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng thu nhập chịu thuế (*)	3.041.073.548	23.163.986.246	26.205.059.794
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%	22%
Thuế TNDN phải nộp năm nay	669.036.181	5.096.076.974	5.765.113.155
<i>Thuế TNDN tạm nộp từ kinh doanh BĐS (1%)</i>	<i>-</i>	<i>1.810.284.890</i>	<i>1.810.284.890</i>
<i>Thuế TNDN điều chỉnh giảm từ hoạt động chuyển nhượng BĐS</i>	<i>-</i>	<i>(2.006.011.742)</i>	<i>(2.006.011.742)</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	669.036.181	4.900.350.122	5.569.386.303

15. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả người lao động.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí, đoàn phí công đoàn	9.530.462	111.510.120
- Phải trả tiền bảo hành	8.375.024.596	10.869.927.871
- Phải trả khác	1.507.721.077	7.524.014.605
Cộng	9.892.276.135	18.505.452.596

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	26.378.575.580	26.378.575.580	61.296.165.146	61.296.165.146
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ ⁽¹⁾	16.818.531.580	16.818.531.580	48.724.104.050	48.724.104.050
- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn - Chi nhánh Lào Cai ⁽²⁾	2.260.044.000	2.260.044.000	4.542.075.000	4.542.075.000
- Vay cá nhân ⁽³⁾	7.300.000.000	7.300.000.000	8.029.986.096	8.029.986.096
Cộng	26.378.575.580	26.378.575.580	61.296.165.146	61.296.165.146

⁽¹⁾ Là khoản vay tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/399127/HĐTD ngày 12 tháng 05 năm 2015.

- Hạn mức cấp tín dụng là 46.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/04/2016 ;

- Mục đích vay vốn : Bổ sung vốn lưu động ;

- Lãi suất vay được quy định từng lần trên các kế ước nhận nợ ;

- Vay thế chấp, Tài sản thế chấp bao gồm :

+ Tài sản thứ nhất: Trụ sở công ty và các công trình phụ trợ gắn liền với đất thuê tại Phường Nông Trang, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ ;

+ Tài sản thứ hai: Cửa hàng Xăng dầu Bến Gót 1 và các công trình phụ trợ gắn liền với đất thuê tại Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

+ Tài sản thứ ba: Xưởng sửa chữa và các công trình phụ trợ gắn liền với đất thuê.

+ Tài sản thứ tư : Quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất theo giấy chứng nhận QSDĐ quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 522281 do UBND tỉnh Phú Thọ cấp ngày 25/11/2013, theo quyết định số 3021/QĐ_UBND ngày 25/11/2013, vào sổ GCN số CT04084.

+ Tài sản thứ năm : Quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất theo giấy chứng nhận QSDĐ quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 522282 do UBND tỉnh Phú Thọ cấp ngày 25/11/2013, theo quyết định số 3021/QĐ_UBND ngày 25/11/2013, vào sổ GCN số CT04083.

+ Và tài sản thế chấp là phương tiện vận tải theo hợp đồng thế chấp số 03/2014/399127/HĐBĐ ngày 15/08/2014.

⁽²⁾ Là khoản vay tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai theo hợp đồng tín dụng số 8800- LAV 201400199 ngày 26 tháng 04 năm 2014 được gia hạn tại phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 25 tháng 04 năm 2015.

- Hạn mức cấp tín dụng là 31.000.000.000 đồng;

- Mục đích vay vốn : Xây dựng các công trình dân dụng, sản xuất kinh doanh khai thác đá xây dựng;

- Lãi suất vay được quy định từng lần trên các kế ước nhận nợ ;

- Vay thế chấp, Tài sản thế chấp là máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 01 ngày 01/04/2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

⁽³⁾ Là khoản vay các nhân với lãi suất là 9%/năm, mục đích bổ sung vốn lưu động.**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	53.266.179.050	27.718.254.580	61.905.858.050	19.078.575.580
Vay ngắn hạn các cá nhân	8.029.986.096	9.567.170.174	10.297.156.270	7.300.000.000
Cộng	61.296.165.146	37.285.424.754	72.203.014.320	26.378.575.580

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.436.558.230	4.854.862.148	1.561.616.360	4.729.804.018
Cộng	1.436.558.230	4.854.862.148	1.561.616.360	4.729.804.018

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	26,42	9.108.000.000	27,50	7.920.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	73,58	25.372.000.000	72,500	20.880.000.000
Cộng	100,00	34.480.000.000	100,00	28.800.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	34.480.000.000
Vốn điều lệ đã góp:	34.480.000.000
Vốn điều lệ còn phải góp:	-

19c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	28.800.000.000	28.800.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	5.680.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	34.480.000.000	28.800.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.319.710.000	2.592.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

19d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	3.448.000	2.880.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.448.000	2.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.448.000	2.880.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.448.000	2.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/CP)	10.000	10.000

19e. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển	6.859.887.178	2.044.175.600	527.500	8.903.535.278
Cộng	6.859.887.178	2.044.175.600	527.500	8.903.535.278

19f. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận như sau:

Chỉ tiêu	Phân phối lợi nhuận năm nay(1)	Phân phối lợi nhuận năm trước(2)	Tổng cộng
Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế	-	4.319.710.000	4.319.710.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.129.444.080	1.723.118.068	4.852.562.148
Trích Quỹ đầu tư phát triển	2.043.938.100	237.500	2.044.175.600
Các khoản giảm lợi nhuận khác	-	52.500	52.500
Tổng cộng	5.173.382.180	6.043.118.068	11.216.500.248

(1) Phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh của năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 25/03/2015.

(2) Phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh của năm 2015 theo Quy chế tài chính của Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bất động sản	565.613.563.141	77.367.956.212
- Doanh thu bán Xăng, dầu	48.502.887.153	64.824.617.314
- Doanh thu xây lắp	25.611.544.848	71.860.456.571
- Doanh thu khác	141.890.908	1.238.821.547
Cộng	639.869.886.050	215.291.851.644

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn bất động sản	528.928.675.408	50.787.901.346
- Giá vốn bán Xăng, dầu	45.694.606.646	62.334.817.350
- Giá vốn xây lắp	24.080.854.252	67.757.930.489
- Giá vốn khác	60.203.000	1.173.871.940
Cộng	<u>598.764.339.306</u>	<u>182.054.521.125</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chủ yếu là lãi thu được từ bán cổ phần Công ty Thủy điện Bắc Hà.

4. Chi phí tài chính

Chủ yếu là chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	3.518.304.894	2.180.672.723
- Chi phí vật liệu, bao bì	6.798.273	15.869.429
- Chi phí khấu hao	490.260.000	507.527.961
- Chi phí Chi phí thuế, phí, lệ phí	28.334.000	-
- Chi phí bằng tiền khác	265.447.043	247.229.978
Cộng	<u>4.309.144.210</u>	<u>2.951.300.091</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	3.226.905.159	2.937.961.975
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.982.648.000	398.616.700
- Thuế, phí và lệ phí	322.904.652	295.797.910
- Chi phí dự phòng	1.378.757.228	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.738.181	-
- Chi phí bằng tiền khác	1.512.420.613	464.318.583
Cộng	<u>8.469.373.833</u>	<u>4.096.695.168</u>

7. Thu nhập khác

Là khoản thu nhập từ nhượng bán tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.408.565.639	18.900.320.932
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông :		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.129.444.080	3.613.443.763
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.279.121.559	15.286.877.169
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.071.408	2.880.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	5.626	5.308

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.327.439.525	52.961.327.464
- Chi phí nhân công	17.692.957.288	37.855.509.577
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.491.422.000	5.584.325.615
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.983.129.955	4.332.110.275
- Chi phí khác	5.998.592.779	16.900.648.571
Cộng	<u>46.493.541.547</u>	<u>117.633.921.502</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	12.833.333.000	-
Cộng	<u>12.833.333.000</u>	<u>-</u>

2. Tiền thu từ đi vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	37.285.424.754	89.078.588.434
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>37.285.424.754</u>	<u>89.078.588.434</u>

3. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	72.203.014.320	60.147.635.979
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	72.203.014.320	60.147.635.979

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, trong năm không có thông tin nào cho thấy Công ty có thể phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

Trong năm, Công ty không có bất cứ khoản cam kết nào.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt(*)

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập	2.246.803.076	2.078.871.397
Cộng	2.246.803.076	2.078.871.397

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
TCT Xây dựng & PT Hạ tầng Licogi	Cùng Tổng công ty Licogi
Công ty Cơ giới và Xây lắp số 10	Cùng Tổng công ty Licogi
Công ty CP Cơ giới XD 17	Cùng Tổng công ty Licogi
Chi nhánh TCTXD & PTHH tại Quảng Ninh	Cùng Tổng công ty Licogi
Công ty CP LICOGI 13	Cùng Tổng công ty Licogi
BQLDA Thủy điện Bắc Hà	Cùng Tổng công ty Licogi
Công ty CP Licogi 19	Cùng Tổng công ty Licogi
Công ty CP Tư vấn Licogi	Cùng Tổng công ty Licogi

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
- TCT Xây dựng & PT Hạ tầng Licogi Công ty CP Licogi 14 phải thu bán Cổ phần Công ty Thủy điện Bắc Hà	15.000.000.000	-
- Công ty CP Tư vấn Licogi Công ty CP Licogi 14 phải trả phí Dịch vụ	400.000.000	-
- BQLDA Thủy điện Bắc Hà Công ty CP Licogi 14 phải trả Công trình	918.957.200	-

Số dư với các bên liên quan khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan	2.102.706.739	2.798.354.569
TCT Xây dựng & PT Hạ tầng Licogi	800.574.353	800.574.353
Công ty Cơ giới và Xây lắp số 10	636.122.635	636.122.635
Công ty CP Cơ giới XD 17	510.139.345	510.139.345
Chi nhánh TCTXD & PTHH tại Quảng Ninh	30.837.500	30.837.500
Công ty CP LICOGI 13	125.032.906	125.032.906
BQLDA Thủy điện Bắc Hà	-	695.647.830
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan	305.018.347	305.018.347
Công ty Cơ giới và Xây lắp số 19	-	85.542.568
Công ty CP Licogi 13	174.290.208	174.290.208
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	130.728.139	130.728.139
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	-	415.578.000

3. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh xây lắp và mua bán xăng dầu.

	Bất động sản	Xăng dầu	Xây lắp	Hoạt động khác	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	565.613.563.141	48.502.887.153	25.611.544.848	141.890.908	639.869.886.050
Giá vốn hàng bán	528.928.675.408	45.694.606.646	24.080.854.252	60.203.000	598.764.339.306
Lợi nhuận gộp	36.684.887.733	2.808.280.507	1.530.690.596	81.687.908	41.105.546.744
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.367.956.212	64.824.617.314	71.860.456.571	1.238.821.547	215.291.851.644
Giá vốn hàng bán	50.787.901.346	62.334.817.350	67.757.930.489	1.173.871.940	182.054.521.125
Lợi nhuận gộp	26.580.054.866	2.489.799.964	4.102.526.082	64.949.607	33.237.330.519

Khu vực địa lý

Doanh thu được thực hiện tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. Số liệu so sánh**4a. Áp dụng chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

4b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

Mã số	Chi tiêu	Số cuối năm 2014	Số đầu năm 2015 trình bày lại	Chênh lệch	Ghi chú
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	157.108.583.921	350.175.064.355	(193.066.480.434)	Chuyển số dư của người mua trả tiền trước từ Doanh thu chưa thực hiện
314	Phải trả người lao động	212.030.008	1.461.166.659	(1.249.136.651)	Điều chỉnh quỹ lương còn dư ở tài khoản 338 sang 334 cho đúng tính chất
319	Phải trả ngắn hạn khác	19.754.589.247	18.505.452.596	1.249.136.651	Chuyển khoản phải trả người lao động sang tài khoản lương cho đúng tính chất
318	Doanh thu chưa thực hiện	193.066.480.434	-	193.066.480.434	Chuyển số dư sang người mua trả tiền trước cho đúng tính chất
227	Tài sản cố định vô hình	3.506.913.401	2.506.913.401	1.000.000.000	Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ vô hình.
261	Chi phí trả trước dài hạn	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	Chuyển số dư từ TSCĐ vô hình sang 242 do đây là khoản trả tiền thuê đất
418	Quỹ đầu tư phát triển	4.564.324.369	6.859.887.178	(2.295.562.809)	Chuyển số dư theo TT200-BTC
417	Quỹ dự phòng tài chính	2.295.562.809	-	2.295.562.809	Chuyển số dư theo TT200-BTC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.563	5.308	1.255	Giảm do năm trước chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay và được trình bày ở Thuyết minh V.6, V.7. Giá trị còn lại của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 6.578.586.000 đồng.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, không có các yếu tố nào làm mất khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

IX. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước	Năm nay
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	92,04	93,97
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	7,96	6,03
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	90,33	86,43
- Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	9,67	13,57
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,11	1,16
2.2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,02	1,09
2.3. Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,04	0,04
3. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần	%	15,44	6,42
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	11,26	3,19
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản	%	6,30	1,31
- Tỷ suất sinh lời trên tài sản	%	0,93	1,01
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	%	10,79	8,70
4. Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động			
- Vòng quay tài sản	Vòng	0,42	1,26
- Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	9,67	32,50
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,51	1,49
- Vòng quay vốn lưu động	Vòng	2,42	27,85

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phú Thọ, ngày 03 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu



HÀ VĂN LỢI

Kế toán trưởng



LÊ THỊ THANH

Tổng Giám đốc



PHẠM GIA LÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	I	2	3	4	5	6
1. Số dư đầu năm trước	28.800.000.000	840.689.000	2.673.998.674	1.350.399.961	2.904.996.883	36.570.084.518
2. Tăng trong năm trước	-	-	1.890.325.695	945.162.848	18.900.320.932	21.735.809.475
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	18.900.320.932	18.900.320.932
- Tăng từ lợi nhuận	-	-	1.890.325.695	945.162.848	-	2.835.488.543
3. Giảm trong năm trước	-	-	2.295.562.809	(2.295.562.809)	7.317.814.238	7.317.814.238
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	7.317.814.238	7.317.814.238
- Điều chỉnh theo TT200	-	-	2.295.562.809	(2.295.562.809)	-	-
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	28.800.000.000	840.689.000	6.859.887.178	-	14.487.503.577	50.988.079.755
5. Tăng trong năm nay	5.680.000.000	-	2.044.175.600	-	20.408.565.639	28.132.741.239
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	20.408.565.639	20.408.565.639
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	5.680.000.000	-	2.044.175.600	-	-	7.724.175.600
6. Giảm trong năm nay	-	-	527.500	-	11.216.500.248	11.217.027.748
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	11.216.500.248	11.216.500.248
- Giảm khác	-	-	527.500	-	-	527.500
7. Số dư cuối năm nay	34.480.000.000	840.689.000	8.903.535.278	-	23.679.568.968	67.903.793.246

Người lập biểu

Kế toán trưởng



HÀ VĂN LỢI



LÊ THỊ THANH

Phú Thọ, ngày 03 tháng 03 năm 2016.
Tổng Giám đốc

PHẠM GIA LÝ

M.S.D.N: 0010623
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14
 TP. VIỆT TRÌ - T. PHÚ THỌ